

ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG TRUNG GIAN THƯƠNG MẠI

Sau gần 25 năm tiến hành công cuộc đổi mới nền kinh tế đất nước, chúng ta đã từng bước xây dựng và hình thành tương đối đồng bộ thể chế kinh tế thị trường, trong đó có pháp luật về thương mại và đầu tư, làm nền tảng pháp lý quan trọng cho đầu tư kinh doanh và thúc đẩy giao lưu thương mại. Đối với lĩnh vực hoạt động trung gian thương mại, pháp luật thương mại cũng có những bước phát triển lớn. Đặc biệt, sau sự ra đời của Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại năm 2005, nhìn chung pháp luật Việt Nam hiện hành đã điều chỉnh tương đối đầy đủ các vấn đề liên quan đến hoạt động trung gian thương mại. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đó, các quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động trung gian thương mại cũng bộc lộ một số bất cập, cần được tiếp tục hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển loại hoạt động này trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Việc hoàn thiện pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại ở nước ta cần thực hiện dựa trên những cơ sở và tuân theo những định hướng dưới đây:

1. Pháp luật điều chỉnh hoạt động trung gian thương mại phải phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế đang chuyển đổi ở Việt Nam

Pháp luật nói chung và pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại nói riêng là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng nên chịu sự ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố tồn tại khách quan trong xã hội. Một trong những yếu tố có tác động khá lớn tới sự hình thành và phát triển của pháp luật về hoạt động trung gian thương mại ở nước ta là đặc điểm và trình độ phát triển của nền kinh tế nói chung, của hoạt động trung gian thương mại nói riêng. Việc xác định đúng tính chất, đặc điểm và trình độ phát triển của hoạt động trung gian thương mại trong điều kiện nền kinh tế đang chuyển đổi để hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động trung gian thương mại đồng bộ, phù hợp có ý nghĩa quan trọng.

Dựa vào sự tác động đối với các quan hệ xã hội được pháp luật về hoạt động trung gian thương mại điều chỉnh, theo chúng tôi những đặc điểm sau đây của nền kinh tế Việt Nam có ảnh hưởng đến việc hoàn thiện pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại.

Thứ nhất, nền kinh tế thị trường Việt Nam được chuyển đổi từ nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung.

Trong cơ chế kế hoạch hóa, nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch chi tiết với chế độ cấp phát và giao nộp theo quan hệ hiện vật. Do đó, các hoạt động dịch vụ thương mại nói chung và các hoạt động trung gian thương mại nói riêng không có điều kiện để phát triển tự do theo đúng nghĩa của các dịch vụ vì lợi nhuận. Các hoạt động trung gian thương mại được sử dụng như một biện pháp để nhà nước quản lý thị trường thông qua sự phân công và hợp tác giữa một bên là doanh nghiệp nhà nước và một bên là các chủ thể khác. Các công cụ hành chính được sử dụng chủ yếu trong quản lý hoạt động trung gian thương mại. Trong thời kỳ này, pháp luật điều chỉnh hoạt động trung gian thương mại còn rất hạn hẹp về phạm vi điều chỉnh, nội dung điều chỉnh còn nặng về hành chính. Nhìn chung, hoạt động trung gian thương mại cũng như hoạt động thương mại nói chung còn có nhiều rào cản, chưa bảo đảm quyền tự do trong hoạt động thương mại của cá nhân, tổ chức.

Chuyển sang nền kinh tế thị trường, pháp luật điều chỉnh hoạt động trung gian thương mại cần phải có sự thay đổi lớn về phạm vi điều chỉnh, về nội dung, và cơ chế điều chỉnh đảm bảo phù hợp với các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, đồng thời phải bảo đảm quyền tự do thực hiện các hoạt động thương mại này của thương nhân. Tuy nhiên, trong nhiều vấn đề liên quan đến các hoạt động trung gian thương mại (tiêu biểu là hoạt động đại lý), tư duy cũ, quan niệm cũ vẫn còn ảnh hưởng đến việc soạn thảo và ban hành các quy định pháp luật điều chỉnh loại hoạt động thương mại này. Trong một số trường hợp, Nhà nước vẫn còn can thiệp khá sâu đến việc hình thành quan hệ hợp đồng phát sinh trong hoạt động trung gian thương mại. Điều này được thể hiện rõ trong quy định khá chi tiết về nội dung chủ yếu của hợp đồng đại lý bảo hiểm, hợp đồng đại lý lữ hành (Luật du lịch năm 2005, Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000) hoặc trong các quy định về điều kiện để ký hợp đồng đại lý xăng dầu của bên đại lý...). Đặc điểm này đòi hỏi những giải pháp hoàn thiện pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại phải được xây dựng trên quan điểm là phải thay đổi căn bản và triệt để tư duy pháp lý điều chỉnh mang nặng tính mệnh lệnh hành chính, "xin-cho" sang tư duy mới là bảo đảm quyền tự do kinh doanh, quyền bình đẳng giữa các bên trong các hoạt động trung gian thương mại. Để làm được điều này, nhà nước cần tháo bỏ các rào cản về chính sách, pháp luật

làm ảnh hưởng đến quyền tự do thực hiện hoạt động trung gian thương mại của thương nhân.

Các rào cản về chính sách, pháp luật cần được loại bỏ gồm: các quy định gây cản trở đến việc hình thành quan hệ hợp đồng trong hoạt động trung gian thương mại; các quy định thiếu tính phù hợp, không bảo đảm quyền lợi của các bên tham gia, gây khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động trung gian thương mại; ngoài ra cũng cần phải bổ sung các quy định về nghĩa vụ của bên thuê dịch vụ (bên giao đại lý, bên uỷ thác) với bên thứ ba trong các hoạt động đại lý, uỷ thác.

Thứ hai, nền kinh tế thị trường Việt Nam được xây dựng và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Điều 15 Hiến pháp 1992 (sửa đổi) khẳng định: Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng cũng đã chỉ rõ: tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này cho thấy, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán quan điểm xây dựng nền kinh tế thị trường Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi hiểu mô hình kinh tế thị trường ở Việt Nam là mô hình kết hợp những nhân tố hợp lý của nền kinh tế thị trường trên thế giới và những ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Nền kinh tế thị trường mà Việt Nam đang xây dựng là một nền kinh tế thị trường xã hội, phù hợp với các điều kiện lịch sử, đặc điểm của đất nước và hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”. Định hướng xã hội chủ nghĩa là cơ sở chính trị xác định các hoạt động kinh tế phát triển theo con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ đặc điểm phát triển nền kinh tế thị trường Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa, những giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động trung gian thương mại cần phải bảo đảm tính hai mặt. Một mặt, pháp luật về hoạt động trung gian thương mại phải thể hiện những giá trị tiến bộ, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, mặt khác phải tuân theo những nguyên tắc vốn có của nền kinh tế thị trường. Hay nói một cách khác, pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại ngoài việc phản ánh những điều kiện cụ thể của nền kinh tế thị

trường Việt Nam, còn phải tiếp thu những quan điểm lập pháp tiến bộ phổ biến trên thế giới.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam có đặc điểm quan trọng là thành phần kinh tế nhà nước được xác định giữ vai trò chủ đạo. Đặc điểm này của nền kinh tế Việt Nam tiếp tục được khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006). Trong lĩnh vực phân phối, lưu thông hàng hoá, đặc thù này đã được thể hiện rõ trong Quyết định 27/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15-02-2007 về phê duyệt đề án phát triển thương mại trong nước đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 là: cần tạo ra các mối liên kết kinh tế và tổ chức các loại hình thương mại theo các mối liên kết giữa sản xuất-lưu thông-tiêu dùng và giữa các khâu, các công đoạn của quá trình lưu thông, nhằm hạn chế những biến động của thị trường, đặc biệt trên một số mặt hàng trọng yếu (xăng dầu, sắt thép, phân bón, thuốc chữa bệnh v.v...) và các mặt hàng đặc thù (rượu, thuốc lá v.v...) Để làm được điều này cần phát huy vai trò định hướng và tổ chức thị trường của các doanh nghiệp nhà nước, đồng thời tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài thiết lập hệ thống kinh doanh, tạo ra thị trường cạnh tranh.

Những đòi hỏi của việc thiết lập hệ thống phân phối bằng nhiều phương thức trong đó có phương thức phân phối qua thương nhân trung gian nói trên đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật thương mại nói chung và pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại nói riêng phải xử lý tốt tính hai mặt của các mối quan hệ kinh tế phức tạp có liên quan đến doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác. Trước hết, pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại phải bảo đảm cho các thương nhân nước ngoài cũng như thương nhân Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế thực hiện hoạt động trung gian thương mại tại Việt Nam theo nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật, cùng tồn tại và phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Mặt khác, pháp luật phải thể hiện vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước đối với việc phát triển các hoạt động trung gian thương mại ở Việt Nam, chú trọng phát huy vai trò của công ty nhà nước trong vị trí đầu mối của các hệ thống dịch vụ thương mại qua trung gian như: dịch vụ đại lý lữ hành, môi giới bảo hiểm, môi giới chứng khoán...

Như vậy, yêu cầu đặt ra đối với pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại là phải tạo ra môi trường pháp lý bình đẳng giữa các thương nhân trong hoạt động trung gian thương mại nhưng đồng thời phải xác lập cơ sở pháp lý để nhà nước có thể điều tiết nền kinh tế thông qua các công ty thuộc sở hữu nhà nước hoạt động trong những lĩnh vực này.

Thứ ba, nền kinh tế thị trường Việt Nam thiếu dịch vụ phân phối hiện đại và chưa được quản lý tốt

Nền kinh tế thị trường Việt Nam được chuyển đổi từ nền kinh tế hiện vật, nơi mà các quan hệ phân phối dưới hình thức giá trị không được chú trọng. Do đó, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp Việt Nam thường ít có chiến lược kinh doanh nên cũng chưa xây dựng được chiến lược phân phối rõ ràng, chưa thiết lập được mạng phân phối riêng, đặc biệt chưa thấy được tác dụng của việc sử dụng các hình thức trung gian thương mại để phân phối hàng hoá cho mình. Mặt khác, xuất phát từ nền sản xuất nhỏ, lạc hậu nên hoạt động phân phối hàng hoá ở nước ta chủ yếu dựa vào đội ngũ các nhà kinh doanh buôn bán nhỏ (chiếm trên 90% lực lượng thương nhân của cả nước). Họ có vốn kinh doanh nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu, không có khả năng tổ chức và điều phối hệ thống phân phối hàng hoá hiện đại trên thị trường, sự liên kết trong phân phối đặc biệt liên kết trong các hoạt động trung gian thương mại ít có khả năng thực hiện. Trong thực tế, doanh nghiệp Việt Nam thường do dự trong việc chủ động phát triển hệ thống phân phối hàng hoá vì lý do thiếu vốn và cơ sở vật chất kỹ thuật. Để giải quyết vấn đề này, hiện nay các doanh nghiệp cần phát triển hệ thống phân phối hàng hoá, dịch vụ thông qua các nhà trung gian chuyên nghiệp dưới hình thức "đại lý, đại diện, môi giới" nhằm tạo nên sự liên kết vững chắc, ổn định, giúp việc tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ được thực hiện một cách nhanh chóng, có hiệu quả.

Trước thực trạng nêu trên về hệ thống phân phối ở nước ta, việc hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động trung gian thương mại phải nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các liên kết có quy mô lớn, vững chắc, lâu dài giữa nhà sản xuất và các trung gian thương mại, đồng thời phải có những quy định cụ thể rõ ràng giúp thương nhân dựa vào đó để thoả thuận thiết lập và thực hiện các hoạt động trung gian thương mại.

2. Pháp luật hoạt động trung gian thương mại phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

Hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng trở thành xu thế tất yếu cho quá trình phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia. Theo số liệu của Tổ chức Thương mại Thế giới và Quỹ tiền tệ Quốc tế, tính đến giữa năm 1996, trên thế giới đã có 101 liên minh kinh tế thương mại được thành lập; đầu năm 2000 đã có 184 thoả thuận thương mại có tính chất khu vực, trong đó có 109 thoả thuận khu vực còn hiệu lực.

Đối với Việt Nam, chuyển sang nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải thừa nhận sự tồn tại khách quan của thị trường mà thị trường ngày nay có xu hướng khu vực hoá và toàn cầu hoá. Vì vậy, để phát triển nền kinh tế quốc dân, việc nước ta hợp tác kinh tế quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế là một tất yếu khách quan. Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm. Đại hội lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định, toàn cầu hoá kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia. Nghị quyết số 07/NQ-TW ngày 27-11-2001 của Bộ Chính trị tái khẳng định sự cần thiết phải hội nhập kinh tế quốc tế và xác định rõ các mục tiêu của hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập vào nền kinh tế thế giới đã góp phần khá quan trọng trong những thành tựu đã đạt được của Việt Nam sau hai mươi năm đổi mới. Việc thực hiện các hiệp định hợp tác đa phương và song phương khác đã góp phần tạo ra b-ớc phát triển rất quan trọng về kinh tế đối ngoại, nhất là xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá 5 năm (2000-2005) đạt gần 111 tỉ USD, tăng bình quân 17,5%/năm (kế hoạch 16%/năm); năm 2005, xuất khẩu bình quân đầu người đạt 390 USD. Xuất khẩu dịch vụ 5 năm đạt trên 21 tỉ USD, tăng 15,7%, bằng 19% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Để từng bước hội nhập vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã tham gia vào nhiều tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế như: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam á (ASEAN), khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu á-Thái Bình D-ong (APEC). Trong lĩnh vực hợp tác thương mại, Việt Nam đã ký kết gần 90 hiệp định thương mại song phương với các nước và vùng lãnh thổ trong đó đáng lưu ý là hiệp định ký với Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Đặc biệt, vào tháng 11 năm 2006, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO. Việc gia nhập WTO sẽ góp phần đưa vị thế của Việt

Nam lên ngang tầm với 149 quốc gia thành viên khác, chiếm trên 85% tổng giá trị thương mại toàn cầu.

Trong các cam kết quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, đặc biệt là Hiệp định thương mại Việt Nam-Hoa Kỳ, Hiệp định của WTO về thương mại dịch vụ, các hoạt động trung gian thương mại được đề cập với tính chất là các phân ngành dịch vụ thương mại nằm rải rác trong nhiều nhóm ngành dịch vụ như: các dịch vụ đại lý hoa hồng nằm trong nhóm các dịch vụ phân phối; dịch môi giới, đại lý bảo hiểm và môi giới tiền tệ trong nhóm các dịch vụ tài chính; dịch vụ đại lý lữ hành trong nhóm các dịch vụ du lịch và lữ hành v.v...

Nội dung quan trọng trong các thoả thuận gia nhập WTO về thương mại dịch vụ nói chung và các dịch vụ trung gian thương mại nói riêng của Việt Nam là các cam kết tuân thủ các nguyên tắc của GATS và các cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài theo 4 phương thức.

Đó là: cung cấp qua biên giới, là phương thức theo đó dịch vụ được cung cấp từ lãnh thổ của một thành viên này sang lãnh thổ của một thành viên khác (phương thức 1); tiêu dùng ngoài lãnh thổ, là phương thức theo đó người tiêu dùng của một thành viên di chuyển sang lãnh thổ của một thành viên khác để tiêu dùng dịch vụ (phương thức 2); hiện diện thương mại, là phương thức theo đó nhà cung cấp dịch vụ của một thành viên thiết lập các hình thức hiện diện như công ty 100% vốn nước ngoài, công ty liên doanh, chi nhánh... trên lãnh thổ của một thành viên khác để cung cấp dịch vụ (phương thức 3); hiện diện thể nhân, là phương thức thể nhân cung cấp dịch vụ của một thành viên di chuyển sang lãnh thổ của một thành viên khác để cung cấp dịch vụ (phương thức 4).

Các cam kết về mở cửa thị trường các dịch vụ trung gian thương mại với lộ trình cụ thể được thể hiện rõ qua biểu cam kết về dịch vụ trong thoả thuận gia nhập WTO và Bảng lộ trình cam kết thương mại dịch vụ cụ thể trong Phụ lục G Hiệp định thương mại Việt Nam- Hoa Kỳ. Mức độ cam kết mở cửa thị trường dịch vụ trung gian thương mại trong các biểu cam kết trên trước hết bao gồm các cam kết chung áp dụng cho tất cả các dịch vụ thương mại và các cam kết riêng được áp dụng cho từng dịch vụ trung gian thương mại. Ví dụ, đối với dịch vụ đại lý hoa hồng (một dịch vụ trung gian trong các dịch vụ phân phối hàng hoá), các cam kết về hạn chế tiếp cận thị trường và hạn chế đối xử quốc gia phụ thuộc vào từng phương thức cung cấp dịch vụ.

Đối với phương thức 1 và phương thức 4 chúng ta chưa cam kết (ngoại trừ không hạn chế đối với dịch vụ đại lý các sản phẩm phục vụ nhu cầu cá nhân và dịch vụ đại lý phân phối các chương trình phần mềm máy tính hợp pháp phục vụ nhu cầu cá nhân hoặc vì mục đích thương mại). Chúng ta không có hạn chế đối với việc cung cấp dịch vụ đại lý theo phương thức 2. Phương thức 3, được thực hiện tự do, ngoại trừ một số hạn chế sau:

- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài chỉ được thành lập hoạt động trong lĩnh vực phân phối (bao gồm dịch vụ đại lý, dịch vụ bán buôn, dịch vụ bán lẻ, dịch vụ nhượng quyền thương mại) từ 1/1/2009

- Chúng ta không mở cửa thị trường các dịch vụ phân phối xăng dầu, dược phẩm, sách, báo, tạp chí, băng hình, thuốc lá, gạo, đường và kim loại quý

- Công ty có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được phép cung cấp dịch vụ phân phối các hàng hoá như: sắt, thép, phân bón, xi măng, clinke, giấy, máy kéo; rượu sau 3 năm gia nhập WTO.

Để thực thi các cam kết quốc tế về thương mại, trong đó có các cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ trung gian thương mại, các yêu cầu sau cần chú ý đối với việc hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động trung gian thương mại.

Thứ nhất, nhà nước cần thể chế hoá các cam kết về mở cửa thị trường các dịch vụ trung gian thương mại trong các thoả thuận gia nhập WTO bằng các văn bản pháp luật cụ thể của quốc gia.

Thứ hai, pháp luật về hoạt động trung gian thương mại phải sửa đổi phù hợp với thông lệ quốc tế, với "luật chơi chung" bằng cách xoá bỏ các hạn chế, rào cản, không phân biệt đối xử giữa dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ trong nước và nước ngoài để đảm bảo cho sự phát triển và tự do hoá các hoạt động trung gian thương mại.

3. Đảm bảo tính minh bạch, thống nhất và khả thi của pháp luật điều chỉnh hoạt động trung gian thương mại

Đảm bảo tính minh bạch, thống nhất và khả thi là những yêu cầu quan trọng đối với hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại nói riêng, nhằm góp phần tạo nên hiệu quả điều chỉnh của pháp luật.

Yêu cầu về tính minh bạch của pháp luật về hoạt động trung gian thương mại đòi hỏi việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các hoạt động thương mại này phải theo một trình tự rõ ràng, tạo cơ hội cho mọi tầng lớp dân cư, nhất là các thương nhân tham gia đóng góp ý kiến vào việc xây dựng pháp luật. Mặt khác, tính minh bạch của pháp luật chỉ được đảm bảo khi các văn bản pháp luật được công bố công khai, rộng rãi trước khi nó có hiệu lực thi hành.

Đòi hỏi về tính minh bạch của pháp luật điều chỉnh hoạt động trung gian thương mại còn xuất phát từ yêu cầu thực thi các cam kết quốc tế về thương mại. Trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập liên quan đến thương mại dịch vụ trong đó có các dịch vụ trung gian thương mại, tính minh bạch được xác định là một trong những nguyên tắc cơ bản. Cụ thể, tính minh bạch được quy định tại Điều III của GATS và toàn bộ chương VI của Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Theo các quy định này, tính minh bạch được xem xét bao gồm minh bạch về chính sách và minh bạch về tiếp cận thị trường. Minh bạch về chính sách yêu cầu mọi quy định có liên quan đến thương mại của một thành viên phải được công bố công khai, dễ tiếp cận, phù hợp với luật lệ của WTO và áp dụng thống nhất trên toàn lãnh thổ. Đồng thời, phải dành cơ hội thỏa đáng cho các bên có liên quan được góp ý trong quá trình lập quy. Minh bạch về tiếp cận thị trường yêu cầu các thành viên nỗ lực đưa ra các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ, giúp cho các doanh nghiệp có thể dự báo và hoạch định chiến lược kinh doanh. Yêu cầu thực tiễn để đảm bảo tính minh bạch của pháp luật điều chỉnh hoạt động trung gian thương mại là phải tuyên truyền rộng rãi pháp luật quốc gia cũng như pháp luật quốc tế về hoạt động thương mại này.

Tính thống nhất của pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại đòi hỏi: các quy phạm, các chế định điều chỉnh hoạt động này tồn tại trong nhiều văn bản do nhiều cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành phải có nội dung tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo lẫn nhau.

Để đảm bảo yêu cầu của sự thống nhất đồng bộ của hệ thống pháp luật về hoạt động trung gian thương mại cần loại bỏ tình trạng luật liên quan đến ngành nào, ngành đó soạn thảo. Cách làm này không bảo đảm được tính khách quan, trung thực của văn bản pháp luật vì chúng thường thể hiện lợi ích của ngành đó. Mặt khác, cần áp dụng nghiêm chỉnh nguyên lý về mối quan hệ giữa luật chung và luật chuyên ngành trong xây dựng và áp dụng pháp luật, làm cho hệ thống pháp luật có tính thống nhất cao hơn, hạn chế xung đột luật. Nguyên tắc này

đã được khẳng định tại Điều 4 LTM 2005. Tuy nhiên, khi xem xét các quy định của luật chuyên ngành về các hoạt động trung gian thương mại trong các lĩnh vực đặc thù như: bảo hiểm; du lịch; bưu chính, viễn thông v.v... có thể thấy rất nhiều quy định của luật chuyên ngành không tương thích với quy định của LTM 2005 về nhiều vấn đề nên gây khó khăn trong việc áp dụng.

Đảm bảo tính thống nhất của pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại có ý nghĩa pháp lý quan trọng nhằm tạo điều kiện cho các thương nhân cũng như các cơ quan áp dụng pháp luật trong việc nhận thức và áp dụng pháp luật, tạo tâm lý tin tưởng, yên tâm cho thương nhân về chính sách, pháp luật của nhà nước.

Bên cạnh yêu cầu bảo đảm tính minh bạch, thống nhất của pháp luật về hoạt động trung gian thương mại thì đảm bảo tính khả thi cũng là một yêu cầu quan trọng. Tính khả thi của hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về hoạt động trung gian thương mại nói riêng đòi hỏi pháp luật phải rõ ràng, có khả năng áp dụng dễ dàng trong thực tế, đặc biệt là phải phù hợp với thực tế nền kinh tế Việt Nam. Để đáp ứng yêu cầu này, pháp luật về hoạt động trung gian thương mại phải xử lý tốt hai vấn đề: một mặt, pháp luật phải bảo đảm quyền tự do của thương nhân trong việc thiết lập và thực hiện các hoạt động trung gian thương mại theo nguyên tắc được làm những gì pháp luật không cấm. Mặt khác, pháp luật phải có những quy định cụ thể định liệu trước hành vi xử sự của thương nhân tạo cơ sở pháp lý để họ dễ dàng thoả thuận và thực hiện các hoạt động này. Trước mắt, tính khả thi của pháp luật về hoạt động trung gian thương mại thể hiện ở yêu cầu:

- Cần ban hành văn bản hướng dẫn thi hành các quy định trong LTM 2005 và các luật chuyên ngành về hoạt động trung gian thương mại, tránh tình trạng luật đã có hiệu lực nhưng trên thực tế lại không thực hiện được vì thiếu những hướng dẫn cụ thể.

- Cần nội luật hoá các cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ trung gian thương mại trong các thoả thuận gia nhập WTO về thương mại dịch vụ, các thoả thuận trong Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ cũng như các thoả thuận song phương khác đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong việc thực hiện các dịch vụ đại diện cho thương nhân, đại lý thương mại, môi giới thương mại.

Để bảo đảm hơn nữa quyền tự do hoạt động thương mại của thương nhân cũng như tạo cơ sở pháp lý để định liệu hành vi của thương nhân trong quá trình thực hiện các hoạt động trung gian thương mại, việc hoàn thiện pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại là cần thiết. Việc hoàn thiện pháp luật về các hoạt động trung gian thương mại phải phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế thị trường Việt Nam, phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế đồng thời bảo đảm tính thống nhất và khả thi của pháp luật ngăn ngừa những mâu thuẫn, chông chéo trong các văn bản pháp luật hiện hành. Trên cơ sở quan điểm và định hướng hoàn thiện pháp luật về hoạt động trung gian thương mại, chúng tôi đưa ra một số đề xuất về cơ chế thực thi và những sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành về hoạt động trung gian thương mại.

Để nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật đối với các hoạt động trung gian thương mại, trước mắt cần ban hành ngay văn bản hướng dẫn thi hành LTM về các hoạt động trung gian thương mại cũng như nâng cao hiểu biết của mọi người dân về loại hoạt động thương mại này.

Mặc dù LTM 2005 mới có hiệu lực thi hành nhưng có thể nhìn thấy khá nhiều điểm bất hợp lý làm hạn chế sự phát triển của các hoạt động thương mại này trong nền kinh tế thị trường. Để hoàn thiện pháp luật về hoạt động trung gian thương mại, cần sửa đổi một số quy định về: khái niệm về hoạt động trung gian thương mại, về hình thức của các hợp đồng trong hoạt động trung gian thương mại. Đồng thời cần quy định rõ ràng, cụ thể hơn một số vấn đề về từng loại hoạt động trung gian thương mại: đại diện cho thương nhân, uỷ thác mua bán hàng hoá, đại lý thương mại, môi giới thương mại.

TTBD ĐBDC